

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2021/DSST.

Ngày: 07-9-2021.

V/v: “Kiện tranh chấp

HTD vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Tuyển.

2. Ông Vũ Xuân Thụ.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 07/9/2021 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 151/2021/TLST-DS, ngày 18/3/2021, về việc “Kiện tranh chấp HTD vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2021/QĐXXST-DS ngày 28/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2021/QĐST-DS ngày 16/8/2021 giữa:

Nguyên đơn: Ông Cao Tiến Kh, sinh năm 1960. Có mặt.

Địa chỉ: Buôn Lê B, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Trương Công B, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Kh là nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/9/2019 ông Kh cho ông Bh, bà L vay 30.000.000 đồng có ký giấy xác nhận nợ và hẹn trả nợ vào ngày 23/02/2020.

Ngày 26/9/2019 ông Kh tiếp tục cho ông B, bà L vay 30.000.000 đồng có ký giấy xác nhận nợ và hẹn trả nợ vào ngày 26/02/2020.

Ngày 16/10/2019 ông Kh tiếp tục cho ông B, bà L vay 50.000.000 đồng có ký giấy xác nhận nợ và hẹn trả nợ vào ngày 16/3/2020.

Tổng cộng ông B, bà L vay của ông Kh 110.000.000 đồng.

Đến các thời hạn trả nợ nhưng ông B, bà L không trả nợ cho ông Kh. Nay ông Kh yêu cầu ông B, bà L trả cho ông Kh số tiền còn nợ là 110.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 20%/năm.

Ngoài ra, ông Kh không có yêu cầu nào khác.

Quá trình điều tra thu thập tài liệu, chứng cứ ông Trương Công B và bà Nguyễn Thị L là bị đơn: Cố tình lẩn tránh, không hợp tác nên không ghi nhận được ý kiến của ông B, bà L và ông B, bà L cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến vụ án cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Kh.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự do chủ tọa phiên tòa đã công bố tại phiên tòa thể hiện việc ông Kh khởi kiện yêu cầu ông B, bà L trả cho ông Kh 110.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi suất là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc ông Cao Tiến Kh khởi kiện yêu cầu ông Trương Công B, bà Nguyễn Thị L trả số tiền nợ là 110.000.000 đồng tại Tòa án và Tòa án thụ lý giải quyết về tranh chấp HĐ vay tài sản là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Trương Công B, bà Nguyễn Thị L đến Tòa án để công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông B, bà L vẫn vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa án không thể tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự được mà tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi ông B, bà L cư trú. Theo quy định

tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Về nội dung: Ngày 23/9/2019 ông Kh cho ông B, bà L vay 30.000.000 đồng hạn trả nợ vào ngày 23/02/2020; ngày 26/9/2019 ông Kh tiếp tục cho ông B, bà L vay 30.000.000 đồng hạn trả nợ vào ngày 26/02/2020; ngày 16/10/2019 ông Kh tiếp tục cho ông B, bà L vay 50.000.000 đồng hạn trả nợ vào ngày 16/3/2020. Tổng cộng ông B, bà L vay của ông Kh 110.000.000 đồng, nhưng cho đến nay ông B, bà L vẫn chưa trả nợ cho ông Kh.

Mặc dù không ghi nhận được ý kiến của ông B, bà L về yêu cầu khởi kiện của ông Kh. Tuy nhiên, tại Kết luận giám định số: 97/KLGĐ-PC09 ngày 02/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

Chữ ký, chữ viết mang tên Trương Công B dưới mục “Người vay” trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1; Chữ ký, chữ viết mang tên Trương Công B dưới mục “Người vay” trên tài liệu cần giám định kí hiệu A2 và dưới mục “Tôi đã nhận đủ tiền mặt” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Trương Công B trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, **là do cùng một người ký và viết ra.**

Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị L dưới mục “Người vay” trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1, A2 và dưới mục “Tôi đã nhận đủ tiền mặt” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị L trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, **là do cùng một người ký và viết ra.**

Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định, vào các ngày 23/9/2019; ngày 26/9/2019; ngày 16/10/2019 ông B, bà L ký giấy xác nhận nợ ông Kh số tiền là 110.000.000 đồng, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, các bên đã xác lập “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến hạn trả nợ nhưng ông B, bà L không thực hiện đúng cam kết là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu khởi kiện của ông Kh là có căn cứ, nên cần chấp nhận, buộc ông B, bà L phải trả cho ông Kh số tiền nợ là 110.000.000 đồng.

[3]. Về lãi suất: Tại các giấy nợ “lãi suất các bên thỏa thuận 50.000 đồng/ngày (0,2%/ngày), tương ứng với 72%/năm”, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự thì mức lãi suất các bên thỏa thuận vượt quá 20%/năm, nên phần lãi suất vượt quá không được chấp nhận, chỉ chấp nhận mức lãi suất 20%/năm, lãi suất tính như sau:

Lãi suất từ ngày 23/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/9/2021) là 23 tháng 15 ngày, cụ thể: $[(30.000.000 \text{ đồng} \times 20\%) : 12 \text{ tháng}] \times 23 \text{ tháng} = 11.500.000 \text{ đồng}$; $[(30.000.000 \text{ đồng} \times 20\%) : 12 \text{ tháng}] \times 15 \text{ ngày} : 30 \text{ ngày} = 250.000 \text{ đồng}$, tổng cộng lãi là 11.750.000 đồng. Như vậy, tổng cộng gốc và lãi là: (30.000.000 đồng tiền nợ gốc + 11.750.000 đồng tiền nợ lãi) = 41.750.000 đồng.

Lãi suất từ ngày 26/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/9/2021) là 23 tháng 12 ngày, cụ thể: $[(30.000.000 \text{ đồng} \times 20\%) : 12 \text{ tháng}] \times 23 \text{ tháng} = 11.500.000 \text{ đồng}$;

$[(30.000.000 \text{ đồng} \times 20\%) : 12 \text{ tháng}] \times 12 \text{ ngày} : 30 \text{ ngày} = 200.000 \text{ đồng}$, tổng cộng lãi là 11.700.000 đồng. Như vậy, tổng cộng gốc và lãi là: $(30.000.000 \text{ đồng tiền nợ gốc} + 11.700.000 \text{ đồng tiền nợ lãi}) = 41.700.000 \text{ đồng}$.

Lãi suất từ ngày 16/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/9/2021) là 22 tháng 22 ngày, cụ thể: $[(50.000.000 \text{ đồng} \times 20\%) : 12 \text{ tháng}] \times 22 \text{ tháng} = 18.333.000 \text{ đồng}$; $[(50.000.000 \text{ đồng} \times 20\%) : 12 \text{ tháng}] \times 22 \text{ ngày} : 30 \text{ ngày} = 611.000 \text{ đồng}$, tổng cộng lãi là 18.944.000 đồng. Như vậy, tổng cộng gốc và lãi là: $(50.000.000 \text{ đồng tiền nợ gốc} + 18.944.000 \text{ đồng tiền nợ lãi}) = 68.944.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng nợ lãi là $(11.750.000 \text{ đồng} + 11.700.000 \text{ đồng} + 18.944.000 \text{ đồng}) = 42.394.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng cộng gốc và lãi mà ông B, bà L phải trả cho ông Kh là $(110.000.000 \text{ đồng tiền nợ gốc} + 42.394.000 \text{ đồng tiền nợ lãi}) = 152.394.000 \text{ đồng}$.

[4]. Về án phí và chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu khởi kiện của ông Kh được chấp nhận, nên buộc ông B, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Tiến Kh.

Buộc ông Trương Công B và bà Nguyễn Thị L trả cho ông Cao Tiến Kh 152.394.000.000 đồng (một trăm năm mươi hai triệu, ba trăm chín mươi bốn nghìn đồng), trong đó 110.000.000 đồng tiền nợ gốc và 42.394.000 đồng tiền nợ lãi.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 159; khoản 2 Điều 161; khoản 1 Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trương Công B và bà Nguyễn Thị L phải chịu 4.860.000 đồng tiền chi phí giám định.

Trả lại cho ông Cao Tiến Kh 4.860.000 đồng tiền chi phí giám định đã nộp sau khi thu được từ ông B, bà L.

Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Trương Công B và bà Nguyễn Thị L phải chịu 7.619.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Cao Tiến Kh thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí DSST theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ